



CÁN HỘ QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đvt: triệu đồng

NỘI DUNG	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
TỔNG SỐ THU	221.185	TỔNG SỐ CHI	201.665
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	2.904	I. Chi đầu tư phát triển	10.345
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ ⁽¹⁾		II. Chi thường xuyên	167.484
III. Thu bổ sung	215.518	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	23.836
- Bổ sung cân đối	135.465	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
- Bổ sung có mục tiêu	80.053		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	1.458		
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	1.305		
Kết dư ngân sách	19.519		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã



QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Bảng quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Dvt: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU		140.005	0	221.185		158
I	Các khoản thu 100%		1.717	0	2.307		134
1	Phí, lệ phí		104		177		
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác		1.613		2.130		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)		348	0	597		172
1	Các khoản thu phân chia		348		597		
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp		0		3		
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		4		4		
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh						
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất		344		590		
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn				1.458		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước				1.305		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		137.940		215.518		156
	- Thu bổ sung cân đối		137.265		135.465		
	- Thu bổ sung có mục tiêu		675		80.053		



QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QT/DT (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6		8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	140.005	0	140.005	201.666	10.345	191.321			
	Trong đó	140.005	0	140.005	185.413	10.345	191.321			13
1	Chi hoạt động Quốc phòng	3.943		3.943			3.898			13
2	Chi an ninh trật tự, an toàn xã hội	2.334		2.334			2.010			9
3	Chi giáo dục	95.024		95.024	95.001		95.001			80
4	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	0		0	0					100
5	Chi y tế	0		0	0					
6	Chi văn hóa, thông tin	117		117	651		651			556
7	Chi phát thanh, truyền thanh	66		66	558		558			845
8	Chi thể dục thể thao	225		225	94		94			42
9	Chi bảo vệ môi trường	2.231		2.231	1.209		1.209			54
10	Chi các hoạt động kinh tế	6.127		6.127	4.750		4.750			78
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	24.577		24.577	39.314		39.314			160
12	Chi cho công tác xã hội	147		147	18.293		18.293			
13	Chi khác	0			1.152		1.152			
14	Dự phòng	2.732		2.732	140		140			5
15	Cho bổ sung có mục tiêu (trong dự toán đầu năm)	675		675	0					0
16	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	1.807		1.807	0					0
17	Chi nộp trả ngân sách cấp trên				415		415			
18	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau	0			23.836		23.836			



QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2025
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: triệu đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán năm 2025			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn	
							Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ		13.587	-	9.022	10.345	-		
I. Công trình chuyển tiếp		10.916	-	6.528	7.851	-		
8113023 - Cải tạo cảnh quan nông thôn (Hệ thống đèn NLMT khu dân cư Vinh Trường)	2023-2025	776		776	776			
8103636 - Cải tạo hệ thống cống và đường giao thông KDC ấp Vinh Lịnh	2023-2025	1.142		1.119	1.579			
8088887 - Nâng cấp, mở rộng lộ giao thông nội đồng ấp Vinh Nghĩa	2023-2025	1.245		1.140	1.570			
8096566 - Xây dựng đường cộ nối đường cộ ấp Vinh Thuận - Sáu Thôn	2023-2025	1.061		1.061	1.494			
8144611 - Đường cộ Hai Nô đến Út Đờm	2023-2025	1.720		1.720	1.720			
7999574 - Nâng cấp lán nhựa lộ GTNT tiểu vùng 2 ấp Vinh Bảo	2023-2025	1.180		6	6			
7992237 - Nâng cấp, mở rộng lộ GTNT đoạn từ UBND xã đến nhà Thầy Khiêm	2023-2025	2.848		1	1			
8050576 - Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, thiếu đất sản xuất tại ấp La Ma, xã Vinh Trường	2023-2025	530		529	529			
8030676 - Đường GTND rọc Địa Xương ấp Hà Bao 2	2023-2025	414		176	176			
Trong đó: hoàn thành trong năm		10.916	-	6.528	7.851			
8113023 - Cải tạo cảnh quan nông thôn (Hệ thống đèn NLMT khu dân cư Vinh Trường)	2023-2025	776		776	776			

8103636 - Cải tạo hệ thống cống và đường giao thông KDC ấp Vĩnh Linh	2023-2025	1.142		1.119	1.579			
8088887 - Nâng cấp, mở rộng lộ giao thông nội đồng ấp Vĩnh Nghĩa	2023-2025	1.245		1.140	1.570			
8096566 - Xây dựng đường cộ nối đường cộ ấp Vĩnh Thuận - Sáu Thôn	2023-2025	1.061		1.061	1.494			
8144611 - Đường cộ Hai Nô đến Út Đờm	2023-2025	1.720		1.720	1.720			
7999574 - Nâng cấp láng nhựa lộ GTNT tiểu vùng 2 ấp Vĩnh Bảo	2023-2025	1.180		6	6			
7992237 - Nâng cấp, mở rộng lộ GTNT đoạn từ UBND xã đến nhà Thầy Khiêm	2023-2025	2.848		1	1			
8050576 - Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, thiếu đất sản xuất tại ấp La Ma, xã Vĩnh Trường	2023-2025	530		529	529			
8030676 - Đường GTND rọc Đìa Xương ấp Hà Bao 2	2023-2025	414		176	176			
2. Công trình khởi công mới		2.671	-	2.494	2.494	-		
8170110 - Đường cộ Hai Nô đến Út Đờm (nối dài)	2025	1.300		1211	1211			
8170638 - Nâng cấp, mở rộng lộ giao thông nội đồng ấp Vĩnh Nghĩa (nối dài)	2025	1.371		1283	1283			
Trong đó: hoàn thành trong năm		2.671	-	2.494	2.494	-		
8170110 - Đường cộ Hai Nô đến Út Đờm (nối dài)	2025	1.300		1211	1211			
8170638 - Nâng cấp, mở rộng lộ giao thông nội đồng ấp Vĩnh Nghĩa (nối dài)	2025	1.371		1283	1283			